

NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH THỨC ĐẨY DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

ThS. Nguyễn Hữu Xuyên, PGS.TS. Đỗ Thị Hải Hà
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

TS. Nguyễn Quang Tuấn
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Tóm tắt:

Đổi mới công nghệ (ĐMCN) đã trở thành yếu tố ưu tiên hàng đầu, có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường và sự phát triển thịnh vượng của quốc gia. Tuy nhiên, trên thực tế, để ĐMCN thành công ngoài năng lực nội tại của doanh nghiệp (DN) thì cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình đổi mới. Bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, thông qua việc sử dụng các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, bài viết này làm rõ: (i) Tổng quan nghiên cứu về hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN; (ii) Đánh giá hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN thông qua phân hồi của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội, với tư cách là đối tượng thụ hưởng chính sách và (iii) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Từ khóa: Hiệu quả chính sách; Đổi mới công nghệ.

Mã số: 13081801

1. Tổng quan nghiên cứu về chính sách và hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Hiện nay, Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN nói chung và hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN nói riêng dựa trên các phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận khác nhau [2,3,5,7,8,9,10,12,13,14]. Các công trình nghiên cứu này đã có những đóng góp quan trọng, tích cực về lý luận và thực tiễn, góp phần cải tiến, hoàn thiện chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN trong thời gian qua. Trong bài báo này, nhóm tác giả đề xuất, đánh giá các tiêu chí phản ánh hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN dựa trên mục

tiêu chính sách và sự phản hồi của doanh nghiệp (*sử dụng thang đo Likert 5*), đánh giá của các chuyên gia trong lĩnh vực ĐMCN về các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN mà Nhà nước đã ban hành; từ đó kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN.

Chính sách ĐMCN là những chính sách liên quan tới những can thiệp của Nhà nước nhằm mục đích tác động tới quá trình ĐMCN, đồng thời nó thường liên quan tới các hoạt động nghiên cứu và triển khai công nghệ [16]. Qua đó, Nhà nước tác động tới ĐMCN của doanh nghiệp nhằm tạo môi trường thuận lợi hoặc/và có thể tài trợ, hỗ trợ để doanh nghiệp nhanh chóng tiến hành các hoạt động ĐMCN. dựa trên cơ sở định hướng phù hợp với mục tiêu tổng thể của đất nước. Trong bài báo này, “*Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được hiểu là tổng thể các quan điểm, các nguyên tắc, các chuẩn mực, các mục tiêu, các giải pháp và các công cụ mà Nhà nước sử dụng để thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần phát triển đất nước*”.

Chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN không tồn tại dưới dạng một chính sách đơn lẻ mà là một hệ thống các chính sách. Thực tế, có nhiều cách tiếp cận phân loại chính sách khác nhau (theo mức độ tác động của chính sách, theo thời gian, theo chủ thể ban hành chính sách, theo công cụ chính sách, theo tầm hạn quản lý,...). Bài báo này phân loại theo công cụ chính sách, theo đó để thực hiện mục tiêu thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN, Nhà nước thường sử dụng ba nhóm chính sách chủ yếu, đó là: (1) chính sách tạo môi trường thể chế, (2) chính sách kinh tế, và (3) chính sách đào tạo, thông tin, tuyên truyền.

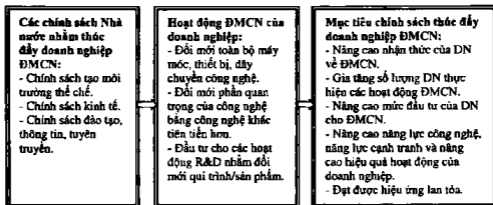
Chính sách tạo môi trường thể chế nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được hiểu là cách thức tác động trực tiếp của Nhà nước thông qua các hệ thống văn bản qui phạm pháp luật, bộ máy tổ chức, cán bộ nhà nước nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư ĐMCN, góp phần thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước về ĐMCN trong từng giai đoạn nhất định.

Chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được hiểu là cách thức tác động của Nhà nước dựa trên những lợi ích về kinh tế và đòn bẩy kinh tế nhằm kích thích, tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư ĐMCN, góp phần thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước về ĐMCN trong từng giai đoạn cụ thể như: chính sách ưu đãi về thuế, chính sách tín dụng, chính sách hỗ trợ trực tiếp,...

Chính sách đào tạo, thông tin, tuyên truyền nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được hiểu là cách thức tác động của Nhà nước vào nhận thức của doanh nghiệp, làm cho doanh nghiệp hiểu được tính cấp thiết phải tiến hành ĐMCN; đồng thời hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, thông

tin, tư vấn để doanh nghiệp có thể thực hiện được các hoạt động ĐMCN. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp sẽ tự giác, tích cực, chủ động đầu tư ĐMCN.

Để đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN, bài báo đề xuất khung lý thuyết nghiên cứu về chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN dựa trên tổng quan nghiên cứu.



Hình 1: Khung nghiên cứu về chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Hiệu quả chính sách là sự so sánh giữa đầu ra và đầu vào của chính sách. Hiệu quả chính sách được đo lường theo công thức sau:

$$\text{Hiệu quả} = \text{Kết quả}/\text{Đầu vào}$$

Như vậy, hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được đánh giá bằng cách so sánh kết quả thực tế mà chính sách đã đạt được trong việc thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN so với đầu vào của chính sách. Để đánh giá hiệu quả chính sách là rất phức tạp, bởi khó có thể đo lường trực tiếp hoặc lượng hóa các đầu vào và kết quả mà chính sách mang lại cho doanh nghiệp, xã hội do tính lan tỏa của hoạt động ĐMCN. Trên thực tế, khó có thể lấy được các số liệu chính xác về chi phí cũng như kết quả của chính sách. Cho nên, hiệu quả của chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN trong bài báo này được đánh giá thông qua bốn tiêu chí. Cụ thể như sau: (1) nhận biết của doanh nghiệp về chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN; (2) nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải đầu tư ĐMCN nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; (3) mức đầu tư của doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp ĐMCN; (4) đánh giá chung của doanh nghiệp về hiệu quả của chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN.

2. Đánh giá hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Mục tiêu đánh giá hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN để xác định những tồn tại, hạn chế, cũng như điểm mạnh của các chính sách hiện hành liên quan tới ĐMCN. Từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách hiện có hoặc ban hành các chính sách mới thay thế các chính sách không còn phù hợp để thực hiện có hiệu quả các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN.

Đánh giá hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN có thể được tiến hành bởi các tổ chức, cá nhân khác nhau với những tiêu chí khác nhau. Bài báo này đánh giá hiệu quả chính sách dựa trên sự phản hồi của doanh nghiệp về các chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN mà Nhà nước đã ban hành từ năm 2000 đến 2012. Qua đó, hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN được thể hiện thông qua 4 tiêu chí sau:

Thứ nhất, nhận biết của doanh nghiệp về chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN. Kết quả khảo sát 119 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội của nhóm tác giả được xử lý bằng phần mềm SPSS 16 như sau:

Có 90,8% doanh nghiệp nhận biết được các văn bản qui phạm pháp luật ban hành thông qua các kênh khác nhau (trang web Chính phủ/hộ/ngành/địa phương là 52,1%; tivi/đài/báo giấy là 47,9%; hội thảo/hội nghị/triển lãm là 34,5%; các tổ chức hỗ trợ pháp lý, thông tin 39,1%; các kênh tiếp cận khác như tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp là 35,3%). Thời gian tiếp cận tính chung cho tất cả doanh nghiệp trên địa bàn ở mức trung bình (điểm trung bình 2,96); trong đó, có 17,6% doanh nghiệp tiếp cận thông tin rất nhanh, 30,3% nhanh, 15,1% trung bình, 13,4% chậm và 14,3% doanh nghiệp tiếp cận thông tin rất chậm.

Mặc dù, số lượng doanh nghiệp nhận biết được các văn bản pháp luật về ĐMCN ở mức độ cao (90,8%) nhưng hiểu và vận dụng được nội dung của các văn bản pháp luật này thì còn nhiều hạn chế. Có 4,2% doanh nghiệp không biết nội dung, 24,4% biết nhưng không rõ nội dung, 47,9% biết rõ nội dung nhưng không sử dụng được, 15,1% biết rõ nội dung, sử dụng được nhưng ít, chỉ có 8,4% doanh nghiệp biết rõ nội dung và thường xuyên sử dụng (điểm trung bình là 2,99).

Thứ hai, nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải đầu tư ĐMCN nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Kết quả điều tra 119 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội của nhóm tác giả, nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải tiến hành các hoạt động ĐMCN ở mức độ tương đối cao (Bảng 1). Qua đó, doanh nghiệp có nhận thức cao nhất đối với việc cần thiết phải nâng cao nguồn nhân lực phục vụ ĐMCN

(điểm trung bình 4,118) và thấp nhất là tổ chức cơ cấu bộ máy cho ĐMCN (điểm trung bình 3,672).

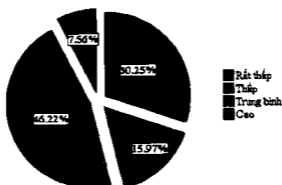
Bảng 1: Nhận thức của doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội về mức độ cần thiết phải tiến hành các hoạt động ĐMCN

| TT | Nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải đầu tư ĐMCN | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| 1 | Cải tiến/đầu tư mới dây chuyền công nghệ hiện tại | 3,832 | 0,8059 |
| 2 | Nghiên cứu và triển khai sản phẩm mới/qui trình mới | 4,109 | 0,8212 |
| 3 | Nâng cao năng lực nguồn nhân lực công nghệ phục vụ cho ĐMCN | 4,118 | 0,8354 |
| 4 | Tổ chức cơ cấu bộ máy cho ĐMCN | 3,672 | 0,9752 |
| 5 | Nhìn chung, mức độ nhận thức của doanh nghiệp đối với các hoạt động ĐMCN | 3,790 | 0,6873 |

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Thứ ba, mức đầu tư của doanh nghiệp và số lượng doanh nghiệp ĐMCN. Theo kết quả điều tra 119 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội của nhóm tác giả, khi được hỏi về mức đầu tư cho ĐMCN của các doanh nghiệp trong 3 năm gần đây, 87% doanh nghiệp được hỏi trả lời là có xu hướng gia tăng mức đầu tư cho ĐMCN như: đầu tư cải tiến dây chuyền công nghệ, đầu tư nghiên cứu triển khai sản phẩm mới/qui trình mới, đầu tư nâng cao năng lực nguồn nhân lực phục vụ cho ĐMCN, đầu tư tái cơ cấu bộ máy và cập nhật thông tin liên quan tới ĐMCN và bản quyền công nghệ. Tuy nhiên, tỷ lệ đầu tư trên doanh thu còn hạn chế; chỉ có 9,24% doanh nghiệp đầu tư ĐMCN lớn hơn 2%/doanh thu, 12,61% doanh nghiệp đầu tư ĐMCN từ 1 đến 2%/doanh thu, 31,09% doanh nghiệp đầu tư ĐMCN từ 0,5 đến 1%/doanh thu và có tới 47,06% doanh nghiệp đầu tư ĐMCN thấp hơn 0,5%/doanh thu. Đây là con số tương đối khiêm tốn so với một số quốc gia (Ấn Độ là 5%, Hàn Quốc là 10%).

Thứ tư, đánh giá chung của doanh nghiệp về hiệu quả của chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN, thể hiện ở việc nâng cao được năng lực công nghệ, năng lực cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cũng như đạt được các hiệu ứng lan tỏa khi ĐMCN. Kết quả điều tra cho thấy (Hình 2): Có 30,25% doanh nghiệp đánh giá hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN mà Nhà nước đã ban hành từ năm 2000 đến 2012 ở mức rất thấp, 15,97% ở mức thấp, 46,22% ở mức trung bình, 7,56% ở mức cao (điểm trung bình là 2,311, độ lệch chuẩn 0,989).



Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm tác giả

Hình 2: Hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN

Như vậy, hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN mới đạt ở mức trung bình thấp. Các nguyên nhân có thể kể đến như:

Thứ nhất, chính sách tạo môi trường thể chế trong thời gian qua còn nhiều hạn chế. Cụ thể: (1) Cơ chế phối hợp trong việc ban hành, thực thi, đánh giá chính sách ĐMCN còn chưa tốt (42,9% doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội đồng ý với nhận định này); chưa có cơ chế phối hợp giữa Bộ KH&CN với các bộ/ngành/địa phương trong việc thống nhất các nội dung về hoạt động KH&CN, cho nên nhiều địa phương đã không sử dụng hết kinh phí được phê duyệt. Đặc biệt từ khi có Luật Ngân sách (2002) và các văn bản hướng dẫn thi hành thì các thông báo của Bộ KH&CN không còn có tính quyết định đối với địa phương, mà thay vào đó là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố sẽ toàn quyền quyết định đối với các khoản chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của địa phương. (2) Bộ máy quản lý nhà nước cũng còn những bất cập nhất định, năng lực giải quyết của cán bộ quản lý nhà nước về ĐMCN còn hạn chế (43,7% doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội đồng ý với nhận định này), đồng thời Nhà nước chưa có chế tài đủ mạnh trong hoạt động nghiên cứu công nghệ có địa chỉ ứng dụng và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động ĐMCN của doanh nghiệp có sử dụng ngân sách. (3) Chưa xây dựng được qui chế hoạt động bộ máy, tổ chức khai thác hạ tầng công nghệ phục vụ cho ĐMCN, đặc biệt là khai thác các phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia; đồng thời chưa xây dựng được lộ trình ĐMCN trên cơ sở nhìn trước công nghệ buộc các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu phải ĐMCN theo từng giai đoạn cụ thể. (4) Chưa có cơ chế giám sát, đánh giá các doanh nghiệp được hưởng sau ưu đãi, đồng thời chưa ban hành được các văn bản qui phạm pháp luật thống nhất về đánh giá trình độ công nghệ. Đây là cơ sở để từng bước loại bỏ các

doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu, không đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm và môi trường.

Thứ hai, chính sách kinh tế nói chung chưa đủ mạnh để thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN. Cụ thể: (1) Để được hưởng hỗ trợ trực tiếp từ phía Nhà nước theo Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ, các doanh nghiệp phải trải qua qui trình xét duyệt kéo dài (khoảng 1 năm) và sau khi doanh nghiệp hoàn thành đề án thì mới được cấp kinh phí triển khai. Vì thế nó sẽ tạo ra độ trễ chính sách nhất định so với nhu cầu ĐMCN của doanh nghiệp, cho nên chưa thực sự tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp khi nộp hồ sơ xin tài trợ; đồng thời mức ưu đãi được doanh nghiệp đánh giá còn chưa cao. (2) Chưa thiết lập được thước đo, tiêu chí đánh giá hiệu quả các ưu đãi về thuế, tín dụng, hỗ trợ trực tiếp, đồng thời chưa qui định rõ tỷ lệ % tối đa mà doanh nghiệp được phép hạch toán để chi cho các hoạt động đầu tư ĐMCN.

Thứ ba, chính sách đào tạo, thông tin, tuyên truyền nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN còn rất khiêm tốn. Cụ thể: (1) Sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương với địa phương còn chưa tốt trong việc đào tạo, tuyên truyền nhằm nâng cao trình độ, nhận thức về lợi ích của hoạt động ĐMCN đối với môi trường và sự phát triển đất nước. (2) Mạng lưới các tổ chức tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về công nghệ còn chưa phát triển. Cho nên doanh nghiệp có thể thiếu các thông tin về công nghệ, đây là những rào cản ảnh hưởng tới việc ra quyết định ĐMCN của doanh nghiệp.

3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ

Trong thời gian tới, Nhà nước cần có những giải pháp phù hợp hơn nhằm nâng cao hiệu quả chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN. Cụ thể:

3.1. Nhóm giải pháp tạo môi trường thể chế

Rà soát các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động ĐMCN; từ đó xây dựng lộ trình ĐMCN cho doanh nghiệp trên cơ sở nhìn trước công nghệ, buộc doanh nghiệp phải tiến hành ĐMCN nếu công nghệ sử dụng không đáp ứng được các yêu cầu về môi trường, chất lượng sản phẩm và ảnh hưởng tới lợi ích chung của xã hội.

Cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động ĐMCN.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ĐMCN trong việc xây dựng, ban hành chính sách thúc đẩy doanh nghiệp ĐMCN theo hai hướng:

Thứ nhất, hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về ĐMCN hiện hành; *Thứ hai*, trong tương lai hình thành một bộ máy quản lý nhà nước về ĐMCN để ban hành các chính sách ĐMCN cho doanh nghiệp trên cơ sở thành lập Ủy ban KH&CN hoặc Ủy ban ĐMCN trực thuộc Chính phủ.

Tăng cường năng lực kiểm soát các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi khi tiến hành ĐMCN; đồng thời, xây dựng các tiêu chí đánh giá tác động của chính sách ĐMCN đối với doanh nghiệp sau 3 năm thực hiện, từ đó Nhà nước bổ sung, điều chỉnh chính sách kịp thời, phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, ngành nghề, địa phương, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và xu hướng hợp tác quốc tế.

3.2. Nhóm giải pháp về kinh tế

Thiết lập kênh thông tin hai chiều thường xuyên giữa cơ quan quản lý nhà nước về thuế và doanh nghiệp, qua đó doanh nghiệp sẽ phản ánh nhanh, kịp thời những khó khăn, vướng mắc, cũng như đề xuất của doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục để được hưởng ưu đãi hay những bất cập về cơ chế ưu đãi thuế cho ĐMCN hiện hành. Mặt khác, cơ quan quản lý thuế sẽ kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp, đồng thời cải tiến, hoàn thiện, điều chỉnh cho phù hợp với mong muốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nhà nước cần xác định thước đo hiệu quả các ưu đãi thuế cho ĐMCN để tránh tạo ra trợ cấp thêm cho doanh nghiệp.

Khuyến khích thành lập các tổ chức thẩm định dự án độc lập, trong đó có thẩm định dự án đầu tư ĐMCN. Tổ chức này sẽ cung cấp cho ngân hàng, tổ chức tín dụng những thông tin cần thiết về dự án ĐMCN của doanh nghiệp, cũng như tư vấn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay, lượng tiền vay, thời gian vay, lãi suất vay nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa doanh nghiệp với tư cách là người sử dụng vốn và tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại với tư cách là người cấp vốn.

Hoàn thiện hành lang pháp lý, khuyến khích hình thành Quỹ Phát triển KH&CN của các cá nhân, Quỹ Đầu tư mạo hiểm nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp có thể huy động vốn từ các Quỹ này cho mục tiêu ĐMCN. Đồng thời, các thủ tục hành chính xét duyệt để được hưởng ưu đãi tín dụng cho ĐMCN cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, mở rộng và khuyến khích các doanh nghiệp ngoài nhà nước tham gia, đổi mới hình thức thế chấp, tín chấp và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp.

Các dự án nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ do doanh nghiệp đề xuất mà trong nước chưa nghiên cứu được và để phục vụ ĐMCN cho chính doanh nghiệp đó, Nhà nước nên hỗ trợ một phần kinh phí (có thể đến 80%) nhằm kích thích doanh nghiệp tăng cường năng lực R&D đối với lĩnh vực công

nghe. Tuy nhiên, Nhà nước cần thống nhất kế hoạch quản lý như mục tiêu cần đạt, tiến độ thực hiện, tiến độ phân bổ kinh phí, tổ chức thực hiện, điều hành, kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện.

3.3. Nhóm giải pháp về đào tạo, thông tin, tuyên truyền

Nhà nước cần hỗ trợ tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về hoạt động ĐMCN của doanh nghiệp, đặc biệt là các giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị doanh nghiệp. Các khóa học này có sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ, môi trường, nhà hoạch định chính sách công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ; từ đó các doanh nghiệp sẽ có nhận thức cao hơn trong hoạt động ĐMCN và có thể sẽ thay đổi hành vi ra quyết định đầu tư ĐMCN trong tương lai.

Nhà nước cần xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công khai về các hoạt động của doanh nghiệp trên mạng Internet, trong đó nhấn mạnh các doanh nghiệp đã có các hoạt động ĐMCN thành công và thực trạng công nghệ của các doanh nghiệp. Từ đó, Nhà nước sẽ công khai tuyên dương, khen thưởng các doanh nghiệp có hoạt động ĐMCN thành công, đồng thời công khai phê bình và có các chế tài xử lý đối với các doanh nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu gây ảnh hưởng xấu tới môi trường và lợi ích xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. (2010) *Giáo trình chính sách kinh tế*. H.: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, DoE, GSO. (2012) *Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp ở Việt Nam*. H.: NXB Lao động.
3. Nguyễn Thị Anh Thu. (2004) *Nghiên cứu hoàn thiện chức năng quản lý nghiên cứu và phát triển của các Bộ trong tiến trình cải cách hành chính*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
4. Nguyễn Sỹ Lộc và các tác giả. (2006) *Quản lý công nghệ cho doanh nghiệp*. H.: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
5. Hoàng Văn Tuyên. (2006) *Quá trình phát triển chính sách đổi mới: Kinh nghiệm quốc tế và gợi suy cho Việt Nam*. Báo cáo tổng hợp đề tài, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN
6. Trần Văn Tùng. (2007) *Đổi mới công nghệ ở một số nước Đông Á*. Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 5/2007, tr.3-14.
7. Cao Thị Thu Anh. (2007) *Chính sách hỗ trợ về tài chính cho hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999*

của Chính phủ. Kỳ yếu Kết quả nghiên cứu chiến lược và chính sách KH&CN. H.: NXB Thanh niên.

6. Vũ Xuân Nguyệt Hồng chủ biên. (2008) *Cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho bảo vệ môi trường*. H.: NXB Khoa học và Kỹ thuật.
7. Lê Xuân Bá, Vũ Xuân Nguyệt Hồng chủ biên. (2008) *Chính sách huy động các nguồn vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp*. H.: NXB Thống Kê.
10. Đặng Duy Thịnh và các tác giả. (2009) *Nghiên cứu cơ chế, chính sách tài chính của Nhà nước đối với hoạt động KH&CN và hoạt động đổi mới*. Báo cáo tổng hợp đề tài, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
11. Tạ Doãn Trịnh. (2009) *Doanh nghiệp đầu tư bao nhiêu vào KH&CN và Nhà nước nên can thiệp tới đâu*. Tạp chí Hoạt động KHCN, số 9/2009, tr 25-30.
12. Trần Ngọc Ca và các tác giả. (2011) *Nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư hợp tác với Hoa Kỳ*. Báo cáo tổng hợp, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
13. Nguyễn Quang Tuấn. (2011) *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chương trình phát triển thị trường công nghệ của Việt Nam đến năm 2020*. Báo cáo đề án cấp Bộ, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
14. Hoàng Xuân Long. (2011) *Nghiên cứu về chính sách của địa phương nhằm khuyến khích doanh nghiệp hoạt động KH&CN trên địa bàn*. Báo cáo đề tài cơ sở, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.
15. Nguyễn Việt Hòa và các tác giả. (2011) *Nghiên cứu, phân tích và đánh giá chính sách đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp ngành công nghiệp*. Báo cáo đề tài cấp Bộ, Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN.

Tiếng Anh:

16. OECD. (2005) *Innovation and Growth: Rational for an Innovation Strategy*. Paris.
17. World Bank. (2010) *Innovation Policy: A guide for Developing Countries*. Washington, D C.
18. K.Ranmanathan. (2009) *Managing international technology transfer in Today's Global Business Setting*. Organized by MOST & UN-ESCAP/APCTT.
19. M A.Schilling. (2009) *Strategic Management of Technological Innovation*. Mc Graw-Hill.